

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2026

“V/v Ly hôn, giao nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Chung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc.

Ông Trần Minh Thiết.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Võ Thị Cúc Phương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên - KSV.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2026/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc *“Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2026/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K - sinh năm 1990.

CCCD 045190004462

Trú tại: Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt (Đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K1 - sinh năm 1987.

CCCD 045087006940

Trú tại Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2026, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Duy K1 đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị) vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K1 không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị K và anh K1 đã sống ly thân, chị và 02 con chung đã về nhà bố mẹ chị sinh sống, nay chị K thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể quay về chung sống với nhau nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Duy K1

Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/5/2020. Hiện nay 02 cháu B và N đang được chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên chị K có nguyện vọng được nuôi con chung nếu ly hôn và không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh K1 không trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không tham gia phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng dân sự: Từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án, giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục theo quy định và tại phiên tòa hôm nay chủ tọa phiên tòa tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Bị đơn không đến tham gia phiên tòa là không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; 238; 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Nguyễn Duy K1.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/5/2020 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Duy K1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị) vào năm 2012. Chị Nguyễn Thị K

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Duy K1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Duy K1 có địa chỉ thường trú tại thôn M, xã C, Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “*Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực*” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[1.3]. Nguyên đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K là hôn nhân hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi đăng ký kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh K1 không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị K và anh K1 đã sống ly thân, nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được chị K xin được ly hôn với anh Nguyễn Duy K1. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp tổng đạt các thông báo về phiên hòa giải nhưng anh K1 không có mặt nên không tiến hành hòa giải được đồng thời vắng mặt tại phiên tòa thể hiện anh K1 không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Chính quyền địa phương nơi anh K1 và chị K cư trú xác nhận hiện nay vợ chồng anh K1 và chị K không sống chung cùng nhau, 02 con chung của anh K1 chị K sống cùng với chị K.

[2.2]. Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/5/2020. Hiện nay 02 con chung đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng và chị K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận 02 con chung đang sống với chị K đúng như chị K trình bày, mặt khác cháu B có nguyện vọng được sống với chị K nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị K: Giao 02 cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/5/2020 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K đối với anh Nguyễn Duy K1.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Nguyễn Duy K1.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/5/2020 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0001534 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị K đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 8;
- Chi cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Cửa Việt;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Chung